

Công Ty Cổ Phần Đồng Tâm

Digitally signed by Công Ty Cổ
Phần Đồng Tâm
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.
1=MST:1100548578,
CN=Công Ty Cổ Phần Đồng
Tâm, S=Long An, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2020-03-30 18:21:56

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9

005
ÔN
Ổ P
ÔNG
Lúc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng tóm tắt đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Khuyển	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hồng Thắm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Mộng Thư	Trưởng ban
Ông Trương Tấn Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thiên Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng tóm tắt hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng tóm tắt được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng tóm tắt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Số: 56/BCKT/2020-RSMMT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT**

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 25/03/2020, từ trang 05 đến trang 09, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) này tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 30/03/2020. Báo cáo tài chính riêng này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) của Công ty.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm đã được kiểm toán – đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.



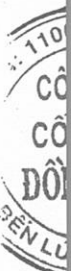
Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	463.457.503.962	534.583.795.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	31.378.967.074	7.979.185.225
1. Tiền	111	25.672.407.432	6.550.939.034
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.706.559.642	1.428.246.191
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	23.373.565.886	30.952.915.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	42.035.045.804	42.001.245.804
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(18.661.479.918)	(12.960.810.204)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	1.912.480.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	357.279.988.676	385.263.552.288
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	77.790.145.018	107.765.863.997
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	103.963.267.219	47.226.996.570
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	182.596.889.232	232.265.330.680
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(7.070.312.793)	(1.994.638.959)
IV. Hàng tồn kho	140	50.171.917.347	60.100.246.809
1. Hàng tồn kho	141	50.171.917.347	65.160.466.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	(5.060.219.440)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.253.064.979	50.287.895.457
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.253.064.979	50.250.244.295
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	37.651.162
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.069.939.874.639	1.882.838.326.346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220	234.061.043.902	190.303.320.722
1. Tài sản cố định hữu hình	221	212.525.248.767	168.141.878.078
Nguyên giá	222	286.688.440.283	279.665.168.299
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(74.163.191.516)	(111.523.290.221)
2. Tài sản cố định vô hình	227	21.535.795.135	22.161.442.644
Nguyên giá	228	41.028.341.806	42.715.340.816
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(19.492.546.671)	(20.553.898.172)
III. Bất động sản đầu tư	230	13.172.046.481	14.448.014.275
Nguyên giá	231	19.544.673.766	19.502.673.766
Giá trị hao mòn lũy kế	232	(6.372.627.285)	(5.054.659.491)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	1.477.691.643	5.707.677.203
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	1.477.691.643	5.707.677.203
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	1.813.172.881.122	1.668.740.657.213
1. Đầu tư vào công ty con	251	1.410.383.728.427	1.132.164.345.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	535.891.019.624	706.328.268.875
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	33.800.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(133.101.866.929)	(169.785.756.662)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	8.046.211.491	3.628.656.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8.046.211.491	3.628.656.933
2. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	2.533.397.378.601	2.417.422.121.725

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.225.566.524.433	1.133.762.688.560
I. Nợ ngắn hạn	310	425.625.712.488	732.476.326.106
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	54.713.980.464	70.837.133.079
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.299.300.000	23.223.078.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	49.385.069.922	69.069.032.840
4. Phải trả người lao động	314	5.380.874.029	1.981.208.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.850.213.306	12.977.652.518
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	1.464.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	44.217.996.069	372.157.629.936
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	252.745.947.906	170.662.260.196
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	11.568.330.792	11.568.330.792
II. Nợ dài hạn	330	799.940.811.945	401.286.362.454
1. Phải trả người bán dài hạn	331	10.979.405.000	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	243.396.882.310	242.019.035.719
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	2.196.000.000	-
4. Phải trả dài hạn khác	337	7.719.178.473	6.082.748.573
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	535.649.346.162	153.184.578.162
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.307.830.854.168	1.283.659.433.165
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.307.830.854.168	1.283.659.433.165
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	680.704.850.000	680.704.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	680.704.850.000	680.704.850.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17.362.650.000	17.362.650.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	(10.671.000.000)	(10.671.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	40.023.328.836	40.023.328.836
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	580.411.025.332	556.239.604.329
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	474.725.758.329	379.785.575.496
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	105.685.267.003	176.454.028.833
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	2.533.397.378.601	2.417.422.121.725



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Long An, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Văn Dư
Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	501.903.248.778	748.368.676.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25.583.725.850	288.709.680
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	476.319.522.928	748.079.966.648
4. Giá vốn hàng bán	11	323.390.541.481	438.007.202.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	152.928.981.447	310.072.763.654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	54.101.902.682	9.673.964.091
7. Chi phí tài chính	22	2.081.014.136	42.626.682.975
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	33.061.295.489	56.638.815.283
8. Chi phí bán hàng	25	19.454.271.868	3.472.323.109
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	62.873.994.508	51.529.163.404
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	122.621.603.617	222.118.558.257
11. Thu nhập khác	31	1.026.514.139	1.647.478.762
12. Chi phí khác	32	2.260.549.427	4.608.244.302
13. Lợi nhuận khác	40	(1.234.035.288)	(2.960.765.540)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	121.387.568.329	219.157.792.717
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15.702.301.326	42.703.763.884
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	105.685.267.003	176.454.028.833



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Long An, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Văn Dư
Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	121.387.568.329	219.157.792.717
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.550.343.634	14.040.323.305
Các khoản dự phòng	03	(30.967.765.625)	(8.379.530.488)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.938.666	(155.081.411)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(54.132.005.064)	(10.214.590.684)
Chi phí lãi vay và lãi phạt chậm thanh toán	06	33.061.295.489	58.333.625.400
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	86.902.375.429	272.782.538.839
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	39.979.707.869	319.824.252.233
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.988.548.902	195.800.629.151
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(93.517.347.014)	(64.217.086.552)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	39.753.846.348	(1.485.812.493)
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.413.350.096)	(72.465.370.762)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.483.973.574)	(1.957.967.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.209.807.864	648.281.182.617
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(59.745.713.476)	(17.009.064.410)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	31.818.182	708.523.635
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(101.912.480.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng hợp tác đầu tư, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.912.480.000	100.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(338.986.538.166)	(120.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	113.941.806.755	9.380.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.354.761.380	48.879.449.242
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(213.491.385.325)	(80.453.571.533)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	549.437.880.940	648.249.894.118
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(288.092.334.230)	(1.176.228.746.439)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.664.187.400)	(34.512.129.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	228.681.359.310	(562.490.982.121)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	23.399.781.849	5.336.628.963
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.979.185.225	2.642.556.262
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	31.378.967.074	7.979.185.225

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch phi tiền tệ		Năm 2019	Năm 2018
1 Cần trừ phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ từ Công ty con với khoản vay từ Công ty con		-	111.336.047.284
2 Cần trừ phải thu khác với khoản vay từ Công ty CP Khu công nghiệp Long An		47.823.254.274	-
3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa được thanh toán		5.427.261.797	14.338.764.179



Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Long An, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Văn Dư

Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương

Kế toán trưởng

